

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2021/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, ông Đoàn Văn Cường

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự Th lý số 116/2021/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn Q, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi cư trú: thôn TĐ, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: tự do; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Vũ Văn Lãm (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Định, sinh năm 1958; Gia đình có 06 chị em, bản thân là thứ sáu; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 12/11/2021 bị TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 20/8/2021, bị Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: Tại Bản án số 73/2020/HS-ST ngày 09/7/2020 của TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/10/2020. Chấp hành xong tiền án phí ngày 15/9/2020.

Bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo Vũ Văn Q có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu K, sinh năm 1970. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N.

Nơi cư trú: thôn ĐK, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Họ và tên bố: Nguyễn Hữu Khuê, sinh năm 1932

(Đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Mưu, sinh năm 1933; Gia đình có 07 anh em, bản thân là thứ sáu; Họ tên vợ: Vũ Thị Yên, sinh năm 1971 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 05/2008/HSST ngày 04/3/2008 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án:

+ Tại Bản án số 10/2017/HSST ngày 20/02/2017 của TAND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2018. Chấp hành xong tiền án phí vào tháng 4/2017.

+ Tại Bản án số 73/2020/HS-ST ngày 02/11/2020 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2021. Chưa chấp hành xong tiền án phí.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Lạng Giang. Bị cáo Nguyễn Hữu K có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn GI, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Dương Văn CH, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn HV, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Hoàng Hữu Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn CM, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn Q, sinh năm 1995 ở thôn TĐ, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là đối tượng có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Hữu K, sinh năm 1970 ở thôn ĐK, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là đối tượng có hai tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và điều khiển ma túy, có quan hệ quen biết nhau. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, do không có nhà ở nên K đã ở nhờ tầng hầm của nhà em trai là Nguyễn Hữu Khanh, sinh năm 1973 ở thôn ĐK, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Để có tiền mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 07 đến đầu tháng 08/2021, Vũ Văn Q đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện Lạng Giang (Q khai có 02 vụ Q trộm cắp cùng với Nguyễn Hữu Khá, sinh năm 1993 - con trai K) và 01 vụ trộm cắp cùng K. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 20/7/2021, Q đến nhà K chơi, K không có nhà nên Q đã rủ Khá đi trộm cắp tài sản. Khá đồng ý, Khá điều khiển xe mô tô Honda

Dream, màu nâu BKS 98B2-702.87 chở Q mang theo vạm phá khoá sang địa phận huyện Lạng Giang tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến đường bê tông GI cánh đồng thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (gần nhà văn hóa), phát hiện tại ven đường bê tông dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS 98Y5-3803 của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 ở thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Q xuống xe, đi bộ đến chiếc xe mô tô của chị N, thấy chìa khoá đang treo trên xe, Q dùng tay lấy chìa khoá cắm vào ổ khoá điện mở khoá, lên xe, nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà K. Tại đây, Q và Khả tháo biển kiểm soát xe mô tô vừa trộm cắp để ở nhà K. Buổi tối cùng ngày, Khả và Q đem xe đi tiêu Th tại thành phố Bắc Giang, Khả trực tiếp đem xe đi bán cho người không quen biết được khoảng 3.500.000đ - 4.000.000đ rồi đem về chia cho Q khoảng một nửa số tiền trên. Số tiền bán xe mô tô Q đã chi tiêu hết.

Ngày 25/8/2021, chị Nguyễn Thị N làm đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang (BL 285).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 92 ngày 30/8/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô Honda Super Dream màu nâu; BKS 98Y5-3803; dung tích 100; xe đăng ký lần đầu năm 2010; cũ đã qua sử dụng có giá 9.000.000 đồng” (BL 281).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 9.000.000đ.

Vụ thứ hai: Vào chiều ngày 27/7/2021, Q rủ Khả đi trộm cắp tài sản. Khả đồng ý, Khả điều khiển xe mô tô Honda Dream màu nâu BKS 98B2-702.87 chở Q mang theo vạm phá hình chữ L đi qua cầu Bến Tuần sang địa phận huyện Lạng Giang tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến đường cánh đồng thôn G, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, phát hiện tại sườn đường có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave α màu xanh đen bạc, BKS 98B2-037.31 là xe của chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 ở thôn G, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang mượn của con trai là Nguyễn Văn L. Khả điều khiển xe mô tô đến gần chiếc xe trên, Q xuống xe đi bộ đến chiếc xe mô tô của chị Th, Khả cảnh giới ở ngã ba đường bê tông. Q dùng tay cầm chiếc vạm phá khoá chọc vào ổ khoá điện vặn mở theo chiều kim đồng hồ thì mở được ổ khoá điện. Q lên xe, nổ máy điều khiển xe mô tô trộm cắp đi về nhà K. Tại đây, Q và Khả tháo biển kiểm soát xe mô tô rồi cùng mang xe đi tiêu Th, Khả trực tiếp đem bán xe mô tô được 3.500.000đ, chia cho Q 1.750.000 đồng. Số tiền bán xe mô tô Q đã chi tiêu hết.

Ngày 24/8/2021, chị Th làm đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang (BL 251).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 93 ngày 30/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận: “01 (một) xe mô tô Honda Wave α màu xanh đen bạc, BKS 98B2-037.31; dung tích xi lanh 100; xe đăng ký lần đầu năm 2014; cũ đã qua sử dụng có giá 9.500.000 đồng” (BL 246).

Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu bồi thường số tiền 9.500.000đ. Anh L không yêu cầu chị Th bồi thường.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 08 giờ, ngày 04/8/2021, Vũ Văn Q đi xe mô tô Honda Dream màu nâu BKS 98B2-702.87 đến nhà K. Gặp K, Q rủ K đi trộm cắp tài sản, K đồng ý. Q điều khiển xe mô tô chở K mang theo vạm phá khoá hình chữ L đến địa bàn huyện Lạng Giang tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến đường cánh

đồng thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, phát hiện thấy tại khu vực cổng Nghè dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen bạc, BKS 98M1-186.20 là xe của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 ở thôn GI, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Q đi qua chiếc xe một đoạn rồi bảo K điều khiển xe đi vòng ngược lại. Đến gần chiếc xe, Q bảo K dừng xe để Q xuống trộm cắp, K đứng đợi Q cách khoảng 50 mét để cảnh giới. Quan sát thấy chị N làm dưới đồng cách xa xe mô tô, Q xuống xe đi bộ đến gần chiếc xe mô tô của chị N, dùng vạm phá khoá mang theo chọc phá ổ khoá điện vặn theo chiều kim đồng hồ thì mở được. Q đi xe mô tô trộm cắp về nhà K. Tại nhà K, có anh Nguyễn Trọng Chiến, sinh năm 1990 ở xóm 3, xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đang ở nhà. Q tháo BKS của chiếc xe mô tô trộm cắp ra. Do không có phương tiện đi lại nên K đưa cho Q số tiền 2.000.000đ rồi lấy chiếc xe trộm cắp để sử dụng. Sau đó, do không có tiền chi tiêu nên K đã nhờ anh Dương Văn CH, sinh năm 1987 ở thôn HV, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang mang đi bán hộ. Anh CH đã bán chiếc xe mô tô cho anh Hoàng Hữu Th, sinh năm 1990 ở thôn CM, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với giá 4.000.000đ, số tiền này anh CH đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/8/2021, chị N làm đơn trình báo Công an xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 14/8/2021, K đến cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và giao nộp 01 điện thoại di động màu xanh đen; cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hữu K nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì (BL 32-33).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 84 ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận: “01(một) chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen bạc; BKS: 98M1-186.20 có giá 12.000.000 đồng” (BL 199).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N có yêu cầu bồi thường dân sự số tiền 12.000.000đ.

Bị can Nguyễn Hữu K yêu cầu anh Dương Văn CH bồi thường dân sự số tiền 4.000.000đ

Tại phiên tòa: Các bị cáo Vũ Văn Q, Nguyễn Hữu K đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình đã thực hiện là sai, vi phạm pháp luật và hứa cải tạo tốt, không tái phạm. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Q, K đồng ý bồi thường cho những người bị hại theo giá trị tài sản trộm cắp như kết quả định giá. Bị cáo K không yêu cầu xem xét đối với số tiền 4.000.000đ mà Dương Văn CH đã sử dụng hết để chi tiêu cá nhân.

Người bị hại là bà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền 9.000.000đ và 9.500.000đ như kết quả định giá tài sản xe máy bị trộm cắp; đề nghị tuyên mức hình phạt tù đối với bị cáo Q theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 112/KSĐT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Vũ Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản”

theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Hữu K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 04 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa Th, buộc bị cáo Vũ Văn Q phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000đ; bà Nguyễn Thị Th số tiền 9.500.000đ; chị Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000đ. Tổng số tiền Q phải bồi thường là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu K: 01 điện thoại điện thoại màu xanh đen số seri 352432051161726. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra còn đề nghị xem xét về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Hữu K tại phiên tòa đã thừa nhận các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Trong tháng 07/2021 và tháng 8/2021, Vũ Văn Q đã 03 lần trộm cắp trên địa bàn huyện Lạng Giang, trong đó: Q một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản ở xã Tiên Lục và xã Thái Đào; cùng với Nguyễn Hữu K thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản ở xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 20/7/2021, tại cánh đồng thôn T, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang; Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, BKS 98Y5-3803 của chị Nguyễn Thị N trị giá 9.000.000đ.

Vụ thứ hai: Vào chiều ngày 27/7/2021, tại cánh đồng thôn G, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang; Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave α màu xanh đen bạc, BKS 98B2-037.31 của chị Nguyễn Thị Th trị giá 9.500.000đ.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 04/8/2021, tại đường cánh đồng thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang; Q cùng K trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen bạc, BKS 98M1-189.20 của chị Nguyễn Thị N trị giá 12.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản Vũ Văn Q trộm cắp là 30.500.000 đồng; Nguyễn Hữu K là 12.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như vật chứng đã thu hồi. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của các bị cáo cũng hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân, giá trị tài sản do các bị cáo chiếm đoạt do trộm cắp được xác định là Vũ Văn Q 30.500.000 đồng; Nguyễn Hữu K 12.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Q đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo K đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 01 năm 10 tháng tù vào năm 2017 và xử phạt 16 tháng tù vào năm 2020 cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, bị cáo K đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Hữu K đều có nhân thân xấu: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy và đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Hữu K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Vũ Văn Q đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội; ngày 09/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/10/2020), chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị áp dụng các tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo K đã ra đầu thú nên bị cáo Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo K được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và mang đi tiêu Th. Bị cáo Vũ Văn Q là người khởi sướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên

có vai trò chính. Bị cáo K trực tiếp cùng với Q thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản nên có vai trò thứ hai.

Đánh giá về hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, do đó cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Khi lượng hình, HĐXX có xem xét tính chất, mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, đáng lẽ phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên do các bị cáo đều không công ăn việc làm ổn định, không có tài sản, thu nhập, chưa bồi thường cho người bị hại nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm bồi thường: Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Th: Vũ Văn Q là người trực tiếp trộm cắp tài sản; tại phiên tòa bà N, bà Th yêu cầu Q bồi thường số tiền 9.000.000đ; 9.500.000đ và Q đồng ý. Vì vậy cần công nhận thỏa Th GI bị cáo và người bị hại. Buộc bị cáo Q bồi thường cho bà N số tiền 9.000.000đ; bà Th số tiền 9.500.000đ;

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị N: các bị cáo đều trực tiếp trộm cắp tài sản nên cùng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại với mức bồi thường bằng nhau. Vì vậy cần buộc các bị cáo Q, K mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N số tiền 6.000.000đ.

[7]. Tại cơ quan điều tra, Q khai nhận cùng Khả trộm cắp 02 chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị Th sau đó đi cùng Khả để bán xe mô tô trộm cắp, tuy nhiên khi bán xe thì Q không biết Khả bán cho ai và ở đâu. Đối với biện kiểm soát của hai chiếc xe mô tô trên, Q khai nhận sau khi tháo không nhớ để ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm và thu giữ.

Đối với Nguyễn Hữu K, không biết việc Khả và Q trộm cắp tài sản, không biết các đối tượng tháo biển kiểm soát xe mô tô trộm cắp tại nhà K. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Hữu Khả, Q khai Khả là người tham gia trộm cắp tài sản cùng với Q tuy nhiên ngoài lời khai của Q ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi trộm cắp tài sản của Khả. Hiện nay Khả không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm đối tượng, khi nào làm việc được với Khả sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Trọng Chiến, Dương Văn CH không biết việc K và Q trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập đến xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS BKS: 98M1-186.20 do K và Q trộm cắp, anh CH bán cho anh Hoàng Hữu Th, anh Th đã bán cho một người không quen biết;

chiếc biển kiểm soát của chiếc xe mô tô trộm cắp, Q và K trình bày sau khi tháo ra không nhớ để ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm và thu giữ.

Đối với số tiền 4.000.000đ Dương Văn CH có được do bán chiếc xe mô tô BKS BKS: 98M1-186.20 và chỉ tiêu cá nhân hết. Tại phiên tòa, K không yêu cầu gì về số tiền trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại điện thoại màu xanh đen số seri 352432051161726 của Nguyễn Hữu K không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo K. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các vật chứng khác được thu giữ trong quá trình điều tra đã được Cơ quan điều tra xử lý nên không đặt ra xem xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Hữu K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 47, Điều 48, khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, 13, 357, 468, 579, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Hữu K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa Th, buộc bị cáo Vũ Văn Q phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000đ; bà Nguyễn Thị Th số tiền 9.500.000đ; chị Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000đ. Tổng số tiền Q phải bồi thường là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu K: 01 điện thoại màu xanh đen số seri 352432051161726. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng của vụ án theo như biên bản giao nhận vật chứng GI Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang).

[4]. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạng Giang;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang